TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày 26-7-2023
V/v *tranh chấp hợp đồng hợp tác*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hoài Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Lê Vĩnh Hiền;

2. Bà Trần Thị Thúy Sâm.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Quốc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Trong các ngày 21/7/2023 và 26/7/2023 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022 về *"Tranh chấp Hợp đồng hợp tác"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 05/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn P – Luật sư thuộc Văn phòng L (Địa chỉ: Số A N, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị); có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

- Về yêu cầu khởi kiện: Từ năm 2015, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và vợ

chồng ông Nguyễn Văn N cùng nhau đầu tư, đóng góp vật chất hợp tác cùng nhau xây dựng trang trại chăn nuôi lợn. Sau quá trình chăn nuôi không hiệu quả về mặt chỉ tiêu cho Công ty cổ phần C (Sau đây gọi tắt là công ty C). Vào ngày 14/6/2018, giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K với vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S có lập biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn, được Ủy ban nhân dân xã C chứng thực ngày 15/6/2018. Theo đó, mỗi bên được nuôi một năm hai lửa, bắt đầu từ năm 2018 vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S được nuôi một lửa và được quyền nuôi lứa tiếp. Sau khi nuôi xong hai lứa thì vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S phải bàn giao chuồng trại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K nuôi hai lứa và các năm sau cứ luân phiên nhau. Do ông Nguyễn Văn H là chủ trang trại nên để thuận tiện trong việc mua bán lợn với Công ty Cổ phần C – Chi nhánh 2 tại Quảng Trị (địa chỉ: Khu phố I, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị), vợ chồng vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K đã đồng ý để ông Nguyễn Văn H nhận tiền mua bán lợn thay vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K. Cùng ngày 14/6/2018. ông Nguyễn Văn H đã lập giấy cam kết trách nhiệm được Ủy ban nhân dân xã C chứng thực ngày 15/6/2018.

Theo thỏa thuận thì vào ngày 02/4/2021 đến lượt vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K nuôi lợn. Ngày 25/6/2021 vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K đã bán 890 con lợn cho Công ty Cổ phần C – Chi nhánh 2 tại Quảng Trị, với tổng số tiền là 233.512.200đồng. Ngày 15/7/2021, công ty đã thanh toán số tiền trên cho ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn N đã nhiều lần thông báo cho ông Nguyễn Văn H biết nhưng đến nay ông Nguyễn Văn H vẫn không trả lại số tiền trên. Vì vậy, ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền 233.512.200đồng là tiền công ty thanh toán khi mua lợn.

- Về yêu cầu tính lãi: Tại Giấy cam kết trách nhiệm ngày 14/6/2018, ông Nguyễn Văn H cam kết*: "Trong vòng 03 ngày không rút thì tôi Nguyễn Văn H phải chịu phạt lãi suất 5%/ngày, tính theo số tiền công ty thu mua lợn và chuyển khoản trả tiền cho ông Nguyễn Văn N"*. Do đó, yêu cầu về tính lãi chậm trả của ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 351, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

Mặc dù, ông Nguyễn Văn N cam kết chịu lãi suất lãi suất 5%/ngày nhưng ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả lãi

chậm trả với lãi suất 10%/năm, mức lãi suất này không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên kính đề nghị HĐXX xem xét, chấp nhận mức lãi mà ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K yêu cầu là 10%/năm/trên số tiền chậm trả.

Về thời gian tính lãi: Ông Nguyễn Văn H cam kết trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi Công ty Cổ phần C chuyển tiền thu mua lợn và được ông N thông báo đã có tiền tại ngân hàng, phải đi rút tiền hoặc chuyển sang tài khoản của ông Nguyễn Văn N. Ngày 15/7/2021, ông Nguyễn Văn H nhận được số tiền 233.512.200 đồng từ Công ty Cổ phần C chuyển trả tiền thu mua lợn cho ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K nên theo cam kết chậm nhất đến hết ngày 18/7/2021 ông Nguyễn Văn H phải giao cho ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K số tiền 233.512.200 đồng nhưng hết thời hạn ông Nguyễn Văn H đã không giao theo đúng cam kết. Do đó, thời gian tính lãi được tính từ ngày tiếp theo của thời hạn là 19/7/2021 cho đến ngày xét xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2023). Tổng cộng là: 732 ngày.

Như vậy, số tiền lãi chậm trả mà ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K do vi phạm cam kết là: (233.512.200 đồng x 10% x 2) + (233.512.200 đồng x 10% : 365) = 46.766.415đồng.

Tại phiên tòa (ngày 26/7/2023), nguyên đơn xác nhận đã nhận đủ số tiền 223.510.200đồng do ông Nguyễn Văn H thanh toán vào ngày 26/7/2023. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc và ½ lãi suất yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán 10.000.000đồng tiền nợ thanh toán và 23.383.207đồng tiền lãi chậm thanh toán, tổng cộng là 33.383.207đồng.

- Về yêu cầu phản tố của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Căn cứ Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H và vợ chồng ông Nguyễn Văn N thì không có nội dung nào như ông Nguyễn Văn H trình bày: Nếu bên nào cản trở dẫn đến Công ty chậm thả lợn để nuôi lứa tiếp theo thì mỗi tháng bên đó phải thanh toán cho bên còn lại 10.000.000 đồng/tháng mà chỉ có nội dung thỏa thuận *"Trong quá trình nuôi lợn, bên nuôi phải có trách nhiệm chăm sóc để đạt yêu cầu (quy định) của công ty đưa ra, nếu nuôi không đạt bị công ty phạt (cấp giống chậm cho thả dưới 750 con, treo 2 tháng trở lên) thì bên nuôi đó chịu nộp phạt tương ứng 1 tháng 10.000.000 đồng cho chủ nuôi sau. (Mức nộp phạt được tính từ tháng thứ 2 trở đi. Trừ trường hợp lỗi của công ty"*. Như vậy, tại Biên bản thỏa thuận về

việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018, giữa hai bên chỉ có thỏa thuận về trách nhiệm của mỗi bên do nuôi lợn không đạt yêu cầu dẫn đến Công ty chậm thả giống, chứ không có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm của mỗi bên khi phát sinh tranh chấp dẫn đến việc ngưng nuôi lợn như lời trình bày của ông Nguyễn Văn H nên việc ông Nguyễn Văn N có đơn gửi Công ty Cổ phần C – Chi nhánh Q là không vi phạm thỏa thuận giữa hai bên. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H là không có căn cứ.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: CCCD (bản photo công chứng); Sổ hộ khẩu (bản photo công chứng); Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn (bản photo công chứng); Giấy cam kết trách nhiệm (bản photo công chứng); Văn bản trình bày ý kiến (bản đánh máy); Biên bản giao nhận tiền (bản photo).

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:***

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H công nhận có ký Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018 được chứng thực tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Ngoài ra ông Nguyễn Văn H còn có ký Giấy cam kết trách nhiệm đề ngày 14/6/2018. Ngày 15/7/2021, công ty Cổ phần C có thanh toán qua tài khoản của ông Nguyễn Văn H số tiền 233.512.200đồng là tiền mà ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K bán lợn cho công ty. Ông Nguyễn Văn H thừa nhận số tiền 233.512.200 trong tài khoản số 3904205058629 được mở tại ngân hàng N1 – chi nhánh huyện C, tỉnh Quảng Trị mang tên Nguyễn Văn H là của ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K.

Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K có đơn đề nghị Công ty cổ phần C nhừng thả lợn để chăn nuôi, dẫn đến thiệt hại cho bị đơn nên ông Nguyễn Văn H tạm thời giữ số tiền này trong tài khoản để đề phòng những thiệt hại xảy ra. Ông Nguyễn Văn H không đồng ý thanh toán lại số tiền trên cho ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K mà để dùng khấu trừ vào yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng. Đồng thời ông Nguyễn Văn H cũng không đồng ý trả lãi chậm thanh toán đối với số tiền trên. Từ khi tiền về tài khoản của thì ông Nguyễn Văn H hàng tháng đều có nhắn tin cho ông Nguyễn Văn N về việc hàng tháng trừ số tiền 10.000.000đồng và còn lại số tiền bao nhiêu để ông Nguyễn Văn N biết.

- Về yêu cầu phản tố: Theo Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn đề ngày 14/6/2018 giữa ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S thì mỗi bên được nuôi 1 năm 2 lứa (Heo vào trại và ra trại là một lứa), bắt đầu từ năm 2018, sau đó bàn giao cho bên còn lại, và luân phiên

nhau; nếu bên nào cản trở, Công ty chậm thả lợn để nuôi lứa tiếp theo thì mỗi tháng phải thanh toán cho bên còn lại 10 triệu đồng/tháng; Như vậy, đến phiên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S nuôi (từ tháng 6/2021 đến nay) nhưng ông N, bà K cản trở, không cho công ty CP C. Căn cứ Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018 thì nếu Công ty C.P chậm thả heo thì bên nuôi trước (ông N, bà K) phải trả cho bên nuôi sau (ông H, bà S) số tiền 10.000.000đồng/tháng, tính từ tháng thứ 2. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S cho rằng nguyên nhân dẫn đến công ty C.P không thả heo là do lỗi cố ý của ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K. Điều này đã được thể hiện qua Biên bản cuộc họp đề ngày 29/6/2021 giữa Công ty C – chi nhánh 2 tại Quảng Trị, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn N và Thông báo về việc thả heo với lý do ngưng thả heo do ông Nguyễn Văn N làm đơn xin tạm ngưng thả heo để giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Thời điểm dừng khai thác từ tháng 6 năm 2021 đến ngày hạn hợp đồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S và Công ty CC là tháng 8 năm 2024: tổng thời gian là 39 tháng do đó yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K bồi thường số tiền 39 tháng x 10.000.000đồng/tháng = 390.000.000đồng. Ông Nguyễn Văn H chỉ yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng theo Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018. Còn đối với việc thiệt hại do mất thu nhập và bị Công ty C.P phạt thì ông Nguyễn Văn H sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa ngày 26/7/2023, ông Nguyễn Văn H xác nhận đã trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K số tiền 223.510.200đồng. Và ông Nguyễn Văn H tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:*** Bà Nguyễn Thị S thống nhất theo những nội dung trình bày của ông Nguyễn Văn H và yêu cầu bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K bồi thường số tiền 390.000.000đồng do vi phạm thảo thuận theo Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018.'

Tại phiên tòa ngày 26/7/2023, bà Nguyễn Thị S tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Bản trình bày ý kiến đề ngày 22/10/2022 (bản đánh máy); Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018 (bản photo); Đơn xin làm trang trại chăn nuôi (bản photo); biên

bản cuộc họp đề ngày 29/6/2021 (bản photo); kế hoạch bảo vệ môi trường của chủ trang trại ông Nguyễn Văn H (bản photo); Thông báo về việc thả heo ngày 30/8/2021 (bản photo); Hợp đồng chăn nuôi gia công heo thịt (bản photo); Bản ảnh chụp tin nhắn (bản photo); Đơn phản tố đề ngày 20/01/2023 (bản đánh máy); Đơn phản tố (bản đánh máy); Đơn phản tố bổ sung (bản đánh máy).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng:

[1.1] Căn cứ Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn đề ngày 14/6/2018 (Sau đây gọi là Biên bản thỏa thuận ngày 14/6/2018) và lời khai của các đương sự thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K có thỏa thuận về việc cùng hợp tác chăn nuôi gia công heo thịt cho Công ty cổ phần C. Quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác các bên phát sinh tranh chấp do đó Tòa án xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng hợp tác" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị có thẩm quyền giải quyết vụ án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn đề ngày 14/6/2018 thì thành phần gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S (bên A) và ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K (bên B). Ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K là bên khởi kiện do đó xác định tư cách tố tụng là nguyên đơn trong vụ án. Ông Nguyễn Văn H là bên bị kiện do đó xác định tư cách tham gia tố tụng là bị đơn trong vụ án. Bà Nguyễn Thị S cũng là một bên tham gia trong hợp đồng hợp tác và ông Nguyễn Văn H cũng có đơn đề nghị đưa và Nguyễn Thị S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Xét đề nghị của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ nên Tòa án xác định bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định tố tụng và hành vi tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trình bày ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, tỉnh Quảng Trị và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2] Về nội dung và hình thức hợp đồng hợp tác: Ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K (sau đây gọi tắt là vợ chồng ông Nguyễn Văn N) và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S (sau đây gọi tắt là vợ chồng ông Nguyễn Văn H) đều xác nhận từ năm 2015 các bên đã cùng nhau đóng góp công sức, vật chất để xây dựng trang trại chăn nuôi lợn theo mô hình của công ty C. Nhằm cùng nhau gia công heo thịt cho công ty C để kiếm lãi. Tại thời điểm hợp tác các bên chỉ thỏa thuận miệng về nội dung và phương thức hợp tác, còn các quyền và nghĩa vụ khác chưa được thống nhất cụ thể, không được lập bằng văn bản.

[2.3] Sau quá trình cùng nhau hợp tác, các bên không đạt chỉ tiêu chăn nuôi với công ty C. Nên vợ chồng ông Nguyễn Văn H và vợ chồng ông Nguyễn Văn N thống nhất tham gia ký Biên bản thỏa thuận về việc chăn nuôi lợn ngày 14/6/2018 để phân tách việc chăn nuôi và hưởng lợi nhuận theo từng đợt, từng gia đình. Ông Nguyễn Văn H sẽ đứng ra ký kết hợp đồng trực tiếp với Công ty C. Số tiền công sau khi chăn nuôi sẽ được Công ty C thanh toán trực tiếp cho ông Nguyễn Văn H. Sau khi ký kết hợp đồng thì các bên sẽ thay nhau luân phiên nuôi lợn mỗi năm 02 lứa.

[2.4] Mặc dù Biên bản thỏa thuận ngày 14/6/2018 chưa đầy đủ nội dung của hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 505 Bộ luật dân sự về mục đích, thời hạn hợp tác và điều kiện chấm dứt hợp đồng hợp tác. Tuy nhiên về cơ bản thì Biên bản thỏa thuận ngày 14/6/2018 đã xác định rõ chủ thể tham gia hợp tác, quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S đã tự nguyên thực hiện hợp đồng hợp tác từ năm 2018 đến năm 2021 (khi có tranh chấp). Do đó có thể xác định các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 129 Bộ luật dân sự, Tòa án công nhận hiệu lực của hợp đồng hợp tác. Quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định về hợp đồng hợp tác trong Bộ luật dân sự.

[2.5] Theo nội dung thỏa thuận, do trong năm 2018 thì vợ chồng ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi nên năm 2019 và năm 2021 thì sẽ do vợ chồng ông Nguyễn Văn N sử dụng chuồng trại để chăn nuôi lợn cho Công ty C. Nguyên đơn, bị đơn và bà Nguyễn Thị S đều thừa nhận số tiền 233.512.200đồng mà công ty C thanh toán vào tài khoản ông Nguyễn Văn H vào ngày 15/7/2021 là

lợi nhuận gia công heo thịt cho công ty C thuộc về vợ chồng ông Nguyễn Văn N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K là có căn cứ, cần chấp nhận. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H đã tự nguyện thanh toán cho ông Nguyễn Văn N, bà Hoàng Thị K số tiền 223.510.200đồng. Vì vậy, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền gốc còn lại là 10.000.000đồng là có cơ sở.

[2.6] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lãi chậm thanh toán (từ ngày 19/7/2021 đến 21/7/2023 là 2 năm 02 ngày) với số tiền (233.512.200 đồng x 10% x 2) + (233.512.200 đồng x 10% : 365) = 46.766.415đồng. Căn cứ Giấy cam kết trách nhiệm đề ngày 14/6/2018 do ông Nguyễn Văn H lập thì ông *"Khi công ty CC chuyển tiền thu mua lợn cho ông Nguyễn Văn N và ông N thông báo cho tôi đã có tiền tại ngân hàng. Thì tôi Nguyễn Văn H có trách nhiệm phải đi rút tiền hoặc chuyển sang tài khoản của ông Nguyễn Văn N (Trong vòng 3 ngày). Nếu trong vòng 03 ngày không rút thì tôi Nguyễn Văn H phải chịu phạt lãi suất 5%/ngày, tính theo số tiền công ty thu mua lợn và chuyển khoản trả tiền cho ông Nguyễn Văn N"*. Việc ông Nguyễn Văn H cam kết thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Văn N là hoàn toàn tự nguyện, mặc dù ông Nguyễn Văn H cam kết trả lãi suất 5%/ngày, tương đương 150%/tháng và 1.800%/năm. Tuy nhiên việc thỏa thuận lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như vậy là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, vợ chồng ông Nguyễn Văn N chỉ yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bằng 10%/năm. Yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự do đó cần chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả lãi đối với khoản tiền chậm trả tính từ ngày 19/7/2021 đến xét xử vụ án là 21/7/2023 là 46.766.415đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả ½ lãi suất đối với nghĩa vụ chấm thanh toán là 46.766.415đồng x ½ = 23.383.207đồng. Việc rút một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K số tiền lãi chậm thanh toán là 23.383.207đồng.

[3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng đối với ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H tự nguyện rút yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên không phải chịu án phí. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S thuộc đối tượng là người cao tuổi và có đơn đề nghị Tòa án miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.750.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000248 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

[5] Do yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.519.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000183 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 129, Điều 504, Điều 505, khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán là 33.383.207đồng cho ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên được miễn toàn bộ án phí theo quy định. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.750.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000248 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.519.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000183 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Đương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoài Thủy